TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X **THÀNH PHỐ Y**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HS-ST
Ngày: 08-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tần Quốc Bình
Các Hội thẩm nhân dân:
1 Bà Cao Thị Tuyết Mai
2 Bà Trần Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 222/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Chung Thành T (tên gọi khác: //); Giới tính: Nam; Sinh ngày 15 tháng 5 năm 1986 tại Thành phố Y; Nơi đăng ký thường trú: ấp Đại A, xã T, huyện K, tỉnh S; Nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Chung Văn P, sinh năm 1967 và bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1964; Hoàn cảnh gia đình: Có 02 em sinh năm 1983, 1989; Vợ, con: Có 03 con riêng sinh năm 2008, 2012, 2015. Hiện nay sống chung như vợ chồng với Trần Thị Ngọc P, chưa có con.

Tiền án: Ngày 29/11/2010, Tòa án ND huyện Đ, tỉnh L xử 07 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ngày 02/7/2013, Tòa án ND huyện B, tỉnh V xử 03 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Chấp hành xong bản án ngày 14/02/2018.

Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 12/10/2021 "có mặt".

2. Trần Thị Ngọc P (tên gọi khác: //); Giới tính: Nữ; Sinh ngày 06 tháng 4 năm 1992 tại Thành phố Y; Nơi đăng ký thường trú: 300/33/50 Đoàn V, Phường 16, Quận X, TP. Y; Nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn S, sinh năm 1963 và bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1974; Hoàn cảnh gia đình: Có 04 người em lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1995; Chồng, con: Hiện sống chung như vợ chồng với Chung Thành T, chưa có con.

Tiền án: không

Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 12/10/2021 "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 17/02/2019, tại nhà số 332/12 Nguyễn T, Phường 13, Quận X, Trần Văn Đ đứng cảnh giới cho Phan Thị Ngọc Q lén lút chiếm đoạt một xe Honda hiệu Blade, màu trắng-đen, biển số: 59C2 - 537.79, trị giá 12.300.000 đồng (Theo kết luận số 14/KL-HĐĐG ngày 25/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận X) của anh Lại Thế Hào.

Sau khi trộm được xe trên, khoảng 07 giờ 30 phút ngày 17/02/2019, Đ điều khiển xe vừa trộm được chở Q đến nhà trọ của Trần Thị Ngọc Phượng (chị ruột Đông) và Chung Thành T (sống chung như vợ chồng với Phượng) -Số 1173/6/1 Khu phố 2 Tỉnh lộ 43, phường B, quận T. Tại đây, Đ và Q nói cho P và Tây biết xe Honda hiệu Blade, màu trắng đen, biển số: 59C2 - 537.79 vừa trộm cắp được, bán 3.000.000 đồng, hỏi P và T có mua không. P bàn bạc với Tây rồi đồng ý mua, T đưa 3.000.000 đồng cho P trả cho Đ và Q.

Sau khi mua chiếc xe Honda hiệu Blade màu trắng-đen, biển số 59C2-537.79 do Đ và Q trộm cắp được, sợ bị phát hiện nên T mang xe đi dán thành màu đỏ-đen, tháo biển số 59C2 - 537.79 vứt bỏ xuống sông S, gắn biển số 67E1- 025.04 để sử dụng.

Ngày 12/11/2019, Tòa án nhân dân Quận X xử Trần Văn Đ, Phan Thị Ngọc Q, về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số 78/2019/HSST). Do Trần Thị Ngọc P, Chung Thành T bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X đã ra quyết định tạm đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ bị can, quyết định truy nã.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe Honda hiệu Blade màu trắng-đen, biển số 59C2-537.79, số máy: JA36E0076683; số khung: RLHJA3601EY007736 đã thu hồi được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh H. Riêng 59C2-537.79 không thu hồi được.

- 01 biển số 67E1 - 025.04, Chung Thành T khai nhặt được trên địa bàn tỉnh G. Qua xác minh biển số xe trên do ông Đào Thế N, địa chỉ: Tổ 2 ấp B, xã V, TP. C, tỉnh A đứng tên đăng ký nhưng xác minh tại địa phương không có ai tên Đào Thế N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X đã đăng báo truy tìm nhưng không có kết quả.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 27/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận X truy tố bị cáo Chung Thành T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điểm đ khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc P về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Chung Thành T và bị cáo Trần Thị Ngọc P thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X trình bày lời luận tội: Cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 27/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận X truy tố bị cáo Chung Thành T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có " theo điểm đ

khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc P về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Các bị cáo thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Chung Thanh T từ 03 năm 06 tù tháng đến 04 năm tù; Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc P từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- 01 biển số 67E1 - 025.04, Chung Thành T khai nhặt được trên địa bàn tỉnh L. Qua xác minh biển số xe trên do ông Đào Thế Nhân, địa chỉ: Tổ 2 ấp B, xã V, TP. C, tỉnh A đứng tên đăng ký nhưng xác minh tại địa phương không có ai tên Đào Thế N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X đã đăng báo truy tìm nhưng không có kết quả đề nghị tiếp tục cho đăng báo để tìm chủ sở hữu và xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không có gì để xem xét giải quyết.

Phần tranh luận: Bị cáo Chung Thành T và bị cáo Trần Thị Ngọc P không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Chung Thành T và bị cáo Trần Thị Ngọc P đã nhận ra hành vi sai trái, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Chung Thành T và bị cáo Trần Thị Ngọc P không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2]. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Chung Thành T và bị cáo Trần Thị Ngọc P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Qua lời khai của bị cáo, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 17/02/2019, tại nhà số 1173/6/1 Khu phố 2 Tỉnh lộ 43, phường B, quận T, bị cáo Chung Thành T và bị cáo Trần Thị Ngọc P biết rõ xe Honda hiệu Blade, màu trắng-đen, biển số: 59C2 - 537.79 do Trần Văn Đ, Phan Thị Ngọc Q trộm cắp mà có nhưng vì tư lợi, hám rẻ mà các bị cáo vẫn mua với giá 3.000.000 đồng, nên đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi của bị

cáo Trần Thị Ngọc P đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Chung Thành T đã tái phạm, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên phạm vào tình tiết "Tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, nhằm mục đích tư lợi cá nhân hám rẻ tiền khi biết rõ là tài sản trộm cắp mà có nhưng các bị cáo vẫn mua. Để có tác dụng giáo dục và răn đe, căn cứ vào tính chất nguy hiểm của tội phạm cần có mức án tương ứng để xử phạt. Tuy nhiên, xét các bị cáo thành khẩn khai báo nên khi lượng hình có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4]. Về xử lý vật chứng:

- 01 biển số 67E1 - 025.04, Chung Thành T khai nhặt được trên địa bàn tỉnh L. Qua xác minh biển số xe trên do ông Đào Thế N, địa chỉ: Tổ 2 ấp B, xã V, TP. C, tỉnh A đứng tên đăng ký nhưng xác minh tại địa phương không có ai tên Đào Thế N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X đã đăng báo truy tìm nhưng không có kết quả nên cần tiếp tục cho đăng báo trong thời hạn 01 năm. Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày đăng báo, nếu không xác định được chủ sở hữu thì xử lý theo quy định.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Chung Thành T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn tù tính từ ngày 12 tháng 10 năm 2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Ngọc P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn tù tính từ ngày 12 tháng 10 năm 2021.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tiếp tục cho đăng báo tìm chủ sở hữu đối với 01 biển số 67E1 - 025.04, trong thời hạn 01 năm. Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày đăng báo, nếu không xác định được chủ sở hữu thì xử lý theo quy định.

Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng;

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo; (1)
- CA TP.Y (PV 06); (2)
- TAND TP.Y; (1)
- Sở Tư pháp TP.Y; (1)
- VKSND Quận X; (2)
- Công an Quận X; (2)
- Chi cục THADS Quận X; (1)
- Chi cục THAHS Quận X; (3)
- Lưu VT, hồ sơ. (2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tần Quốc Bình